|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 28/2022/NQ-HĐND | *Hậu Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND   
ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6   
năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Xét tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến   
năm 2030.

1. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ nhất, điểm b, khoản 3, như sau:

“- Đến năm 2025:

+ Xây dựng 15 mô hình HTX và 03 liên hiệp HTX được đầu tư đồng bộ  
về kết cấu hạ tầng và phát triển toàn diện, hoạt động hiệu quả.

+ Xây dựng 01 mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

+ Xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất  
nông nghiệp, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tối đa hóa việc tái tạo  
và tận dụng phế phẩm trong nông nghiệp để tạo thêm sản phẩm mới.

+ Hỗ trợ hợp tác xã đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế, chế biến.

+ Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, như sau:

“4. Nhu cầu và nguồn vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025 là 618.826 triệu đồng (không bao gồm kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ đào tạo và đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể không tham gia Đề án). Trong đó:

a) Lồng ghép nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 85.000 triệu đồng, gồm:

- Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 11.500 triệu đồng.

- Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định số 62/2019/NĐ-CP: 26.600 triệu đồng.

- Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 46.900 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 389.926 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư và phát triển: 316.126 triệu đồng (bao gồm vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã: 20.000 triệu đồng).

- Vốn sự nghiệp: 73.800 triệu đồng.

c) Vốn tư nhân, HTX, doanh nghiệp: 143.900 triệu đồng.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn   
2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.

*(Đính kèm Phụ lục)*

**Điều 2. Bổ sung quy định mức chi hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể**

1. Mức hỗ trợ đào tạo: Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên là thành viên, người lao động kinh tế tập thể bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa   
đào tạo.

2. Mức hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

3. Các nội dung hỗ trợ khác không quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn   
2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành của trung ương, địa phương.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Đối với 15 mô hình hợp tác xã và 03 mô hình liên hiệp hợp tác xã trong Đề án: sử dụng nguồn ngân sách tỉnh phân bổ cho Đề án.

b) Đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác trên địa bàn tỉnh: sử dụng nguồn ngân sách tỉnh.

**Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các nội dung của Đề án theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đang triển khai mà chưa thực hiện chi hỗ trợ thì thực hiện theo Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản có liên quan được viện dẫn thực hiện trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 4.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Quốc hội;  - Cục Quản trị II;  - Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);  - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Bộ Tài chính;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);  - TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;  - Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;  - Các sở, ban, ngành tỉnh;  - HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;  - Cơ quan Báo, Đài tỉnh;  - Công báo tỉnh;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  (Đã ký)  **Trần Văn Huyến** |